

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 463/2020/DS-ST

Ngày: 28 - 10 - 2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Rỹ

2. Bà Nguyễn Thị Năm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 492/2019/TLST-DS, ngày 02 tháng 12 năm 2019, về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 217/2020/QĐXX-DS ngày 07 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 180/2020/QĐST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP T.

Trụ sở chính: Số 266-268 đường N, Phường B, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Đức Thạch D, sinh năm: 1973 - Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn; Ông Lê Ngọc M, sinh năm 1970 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo Giấy uỷ quyền số 3892/2018/GUQ-PL ngày 03/12/2018).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Đức Cẩm T, sinh năm 1980;

Địa chỉ: 314/60 đường L, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

(các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, ông Lã Ngọc Minh là người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Đức Cẩm T đã ký với Ngân hàng TMCP T các thỏa thuận cấp tín dụng như sau: Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP T; Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 05/7/2013 (cấp thẻ Family Local Credit số 970403-3542 và thẻ MC Credit Classic số 512341-1600) với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng; Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 23/10/2013 (Cấp thẻ JCB Motor Card Classic số 356480-6500) với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng (Được gọi chung là hợp đồng); với mục đích tiêu dùng cá nhân; Lãi suất theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 60.541.600 đồng. Bao gồm: Thẻ Family Local Credit số 970403-3542 là 35.270.000 đồng; Thẻ MC Credit Classic số 512341-1600 là 23.771.600 đồng; Thẻ JCB Motor Card Classic số 356480-6500 là 1.500.000 đồng.

Từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà T đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP T tổng số tiền số tiền 65.266.000 đồng. Cụ thể: Thẻ Family Local Credit số 970403-3542 là 37.948.000 đồng; Thẻ MC Credit Classic số 512341-1600 là 25.360.000 đồng; Thẻ JCB Motor Card Classic số 356480-6500 là 1.958.000 đồng. Thứ tự thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thứ tự thanh toán như sau: Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước; Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ; Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Nguyễn Đức Cẩm T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên Ngân hàng TMCP T đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà T (cụ thể: Thẻ Family Local Credit số 970403-3542 ngày 04/10/2016; Thẻ MC Credit Classic số 512341-1600 ngày 06/9/2016; Thẻ JCB Motor Card Classic số 356480-6500 ngày 06/9/2016) và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (theo Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 28/10/2020 bà Nguyễn Đức Cẩm T còn nợ Ngân hàng TMCP T tổng số tiền nợ vốn và lãi là: 49.354.808 đồng (Bốn mươi chín triệu, ba trăm năm mươi bốn ngàn, tám trăm lẻ tám đồng). Trong đó: Nợ vốn gốc là: 17.934.038 đồng; Lãi quá hạn: 31.420.770 đồng). Cụ thể: Thẻ Family Local Credit số 970403-3542 vốn gốc: 9.186.056 đồng, lãi quá hạn là 17.063.738 đồng; Thẻ MC Credit Classic số 512341-1600 nợ vốn gốc là 8.316.936, nợ lãi quá hạn là 13.536.674 đồng; Thẻ JCB Motor Card Classic số 356480-6500 nợ vốn là 431.046 đồng, nợ lãi quá hạn là 820.358 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà Tú, yêu cầu bà T có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để bà T trả nợ, tuy nhiên bà T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do bà Nguyễn Đức Cẩm T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên Ngân hàng TMCP T khởi kiện và yêu cầu bà Nguyễn Đức Cẩm T phải trả ngay cho Ngân hàng TMCP T tổng số tiền nợ vốn gốc và lãi còn nợ tính đến ngày 28/10/2020 là 49.354.808 đồng (Bốn mươi chín triệu, ba trăm năm mươi bốn ngàn, tám trăm lẻ tám đồng). Trong đó: Nợ vốn gốc là: 17.934.038 đồng; Lãi quá hạn: 31.420.770 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 29/10/2020 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại các Hợp đồng.

Ngân hàng TMCP T chỉ yêu cầu một mình bà Nguyễn Đức Cẩm T thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng mà không yêu cầu ai khác liên đới cùng bà T trả nợ nên đề nghị Tòa án không triệu tập thêm người tham gia tố tụng nào khác.

Bị đơn bà Nguyễn Đức Cẩm T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án không thu thập được lời khai, không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, về thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bị đơn bà Nguyễn Đức Cẩm T đã được Tòa án đã tổng đạt nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đồng thời, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Tại Biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ phía nguyên đơn chỉ yêu cầu một mình bà Nguyễn Đức Cẩm T thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng mà không yêu cầu ai khác liên đới cùng bà T trả nợ. Tòa án đã được triệu tập bà T đến Tòa nhưng vẫn vắng mặt nên không có lý nên Tòa án không xác định thêm người tham gia tố tụng nào khác.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét thấy đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng tín dụng, do bị đơn là bà Nguyễn Đức Cẩm T cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại Khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về áp dụng pháp luật dân sự: Căn cứ Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP T; Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 05/7/2013; Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 23/10/2013 được xác lập trước ngày 01/01/2017 nhưng có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên áp dụng quy định của Bộ luật này để giải quyết theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4]. Về các yêu cầu của đương sự:

Xét, Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP T; Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 05/7/2013; Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 23/10/2013 do hai bên xác lập hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Quá trình thực hiện hợp đồng bên vay là bà Nguyễn Đức Cẩm T đã không thực hiện đúng các nghĩa vụ đã cam kết trong hợp đồng, không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ vốn và lãi như thỏa thuận. Do đó, Ngân hàng TMCP T yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền nợ vốn gốc và lãi còn nợ tính đến ngày 28/10/2020 là 49.354.808 đồng (Bốn mươi chín triệu, ba trăm năm mươi bốn ngàn, tám trăm lẻ tám đồng). Trong đó: Nợ vốn gốc là: 17.934.038 đồng; Lãi quá hạn: 31.420.770 đồng và tiền nợ lãi phát sinh kể từ ngày 29/10/2020 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại các Hợp đồng đã ký là có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại các Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 467 và Điều 470 của Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 8 và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[5]. Ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

[6]. Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn là bà Nguyễn Đức Cẩm T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 141, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 467, Điều 470 và Điều 688 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ các Khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 207, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 7, Điều 8 và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng TMCP T.

Buộc bà Nguyễn Đức Cẩm T thanh toán cho Ngân hàng TMCP T tổng số tiền nợ vốn và lãi tính đến ngày 28/10/2020 là 49.354.808 đồng (Bốn mươi chín triệu, ba trăm năm mươi bốn ngàn, tám trăm lẻ tám đồng. Trong đó, nợ vốn gốc là: 17.934.038 đồng; Lãi quá hạn: 31.420.770 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Đức Cẩm T phải chịu số tiền án phí là 2.467.740 đồng (Hai triệu, bốn trăm sáu mươi bảy ngàn, bốn trăm bảy mươi đồng).

Ngân hàng TMCP T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP T là 984.653 đồng (chín trăm tám mươi bốn, sáu trăm năm mươi ba đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0007953 ngày 05/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Thời hạn kháng cáo đối với bản án là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại

phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014)/.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trọng Tiến